TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Pc

Bản án số: 196/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2020
V/v "Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con
chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN – TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà Võ Thị Lan

2/Ông Nguyễn Văn Tươi

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký TAND thị xã Điện Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn: Bà Đinh Thị Thu Hòa – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa:

1/Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền V - Sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Khối NV, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Viết T - Sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Khối NV, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn P – Sinh năm 1954 (vắng mặt)

+ Bà Huỳnh Thị H – Sinh năm 1953 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khối NV, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

+ Bà Lê Thị Thanh T - Sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối TC, phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B - Chức danh: Giám đốc Phòng giao dịch số 1 Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh KCN Điện Nam-Điện Ngọc. Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Lô 1 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (bà Nguyễn Thị B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền V trình bày: Bà Nguyễn Thị Huyền V và ông Nguyễn Viết T kết hôn vào ngày 14/4/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐN, thị xã Điện Bàn. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai Bn gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, cờ bạc, gây nợ nần chồng chất, không quan tâm đến vợ con, ghen tuông vô cớ rồi dùng nhiều lời lẽ chửi bới, xúc phạm bà V thậm tệ, từ đó bà V và 2 con về nhà cha, mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2019 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên bà V yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung.

+ Nguyễn Hoàng Y - Sinh ngày 27/7/2011

+ Nguyễn Bảo C - Sinh ngày 04/03/2016

Hai con hiện nay đang chung sống cùng bà V, khi ly hôn bà V yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng Y, giao con Nguyễn Bảo C cho ông T nuôi dưỡng, bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Gồm 01 phần nhà xây diện tích 21,6m^2 trị giá 50.490.000đ và 01 Bảo hiểm Manulife nộp đến nay số tiền tổng cộng 30.780.000đ.

Về nợ chung: Nợ vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam-Chi nhánh KCN Điện Nam-Điện Ngọc số tiền gốc: 50.000.000đ + lãi vay.

Về tài sản chung và nợ chung: Yêu cầu chia đôi theo pháp luật.

Bị đơn, ông Nguyễn Viết T trình bày: Về thời gian tìm hiểu, kết hôn như bà V khai hoàn toàn đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng với gia đình bên chồng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà V có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, thường xuyên nhắn tin cho người tình và đi qua đêm không về. Vợ chồng từ đó phát sinh cãi vả nhau, bà V dẫn 2 con về nhà cha, mẹ ruột sống riêng từ tháng 10/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông T nhiều lần động viên bà V về đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Nay bà V yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con Nguyễn Hoàng Y và Nguyễn Bảo C. Hai con hiện nay đang sống cùng bà V. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Bảo C, giao con Nguyễn Hoàng Y cho bà V nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Gồm 01 phần nhà xây diện tích 21,6m^2 trị giá 50.490.000đ và 01 Bảo hiểm Manulife nộp đến nay số tiền tổng cộng 30.780.000đ.

Về nợ chung: Nợ vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam – KCN Điện Nam - Điện Ngọc số tiền gốc 50.000.000đ + lãi.

Về tài sản chung và nợ chung yêu cầu chia đôi theo pháp luật

Bà Lê Thị Thanh T trình bày tại bản khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Vào ngày 06/8/2017 bà T có mua tại Cửa hàng xe máy Thịnh do ông Phạm Văn Nghiêm làm chủ một chiếc xe honđa hiệu LEAD biển số đăng ký: 92F1-182.64 với số tiền 30.000.000đ. Khi mua có ghi giấy bán xe, bà T là người trực tiếp đến mua và trả tiền cho ông Khiêm, tiền mua xe là của cá nhân bà T. Sau khi thực hiện xong giao dịch mua, bán bà T nhận xe và nhận giấy tờ đăng ký xe sử dụng từ đó. Ngày 12/11/2019 bà T tiến hành làm thủ tục sang tên theo quy định, đến ngày 16/12/2019 bà T được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy tên Lê Thị Thanh T. Do đó chiếc xe máy biển số: 92F1-182.64 là tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân bà T, không phải là tài sản của vợ chồng V, T.

Ông Nguyễn P và bà Huỳnh Thị H trình bày tại bản khai có trong hồ sơ vụ án như sau: Sau khi cưới vợ chồng V, T về chung sống tại nhà vợ chồng ông P, sau đó vợ chồng V, T bỏ tiền ra làm thêm phần phía sau trên đất của vợ chồng ông P. Nay vợ chồng V, T ly hôn phần tài sản đã xây trên đất vợ chồng ông P thì giao cho vợ chồng V, T giải quyết. Đối với số nợ vợ chồng V, T đã vay 50.000.000đ tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam- Chi nhánh KCN Điện Nam-Điện Ngọc, khi vay vợ chồng ông P dùng tài sản nhà và đất diện tích 147m^2 để thế chấp bảo lãnh nợ vay. Số nợ vay thì vợ chồng V, T tự trả, còn tài sản thế chấp đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam do bà Nguyễn Thị B đại diện trình bày: Ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thị Huyền V có vay vốn tại Hợp đồng tín dụng số 4218-LAV-201700705 ngày 04/8/2017 với số tiền gốc 120.000.000đ, mục đích vay: Chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình, thời hạn vay: 36 tháng, lãi suất vay: 9%/tháng. Tài sản thế chấp bảo đảm khoản nợ vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 28/2015/HĐTC ngày 24/7/2015 gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 147m^2 và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn P và bà Huỳnh Thị H theo giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Nguyễn P

vào ngày 29/01/2010 và biên bản xác định lại giá trị tài sản bảo đảm ngày 04/8/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng ông T đã trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn và hợp đồng tín dụng chưa đến thời hạn thanh toán cuối cùng. Hiện nay vợ chồng bà V còn nợ của Ngân hàng số tiền vay gốc 50.000.000đ và lãi vay đến ngày 17/7/2020 là: 781.700đ, số tiền lãi 781.700đ ông T đã trả xong vào sáng ngày 17/7/2020. Nay vợ chồng bà V ly hôn Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tóm tắc ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự trong vụ án chấp hành đúng pháp luật,

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà V và ông T, giao con Nguyễn Hoàng Y cho bà V nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Bảo C cho ông T nuôi dưỡng. Hai bên tự lực nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Tài sản chung và nợ chung chia đôi theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà V yêu cầu ly hôn ông T, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông T hiện nay cư trú tại phường ĐN, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà T, bà H và ông P có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền V và ông Nguyễn Viết T kết hôn vào ngày 14/4/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐN. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ, chồng không tự vun đắp và gìn giữ hạnh phúc gia đình, không nhường nhịn nhau, mất lòng tin với nhau dẫn đến cãi vả và phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không còn, vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Nay bà V yêu cầu ly hôn, ông T thuận tình ly hôn. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của 2 đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái

pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó HĐXX cần phải công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà V là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung Nguyễn Hoàng Y và Nguyễn Bảo C. Con chung hiện nay đang sống cùng bà V. Bà V và ông T thỏa thuận giao bé Y cho bà V nuôi dưỡng, giao bé C cho ông T nuôi dưỡng, hai bên tự lực nuôi con chung. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của 2 đương sự hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đáp ứng nguyện vọng của bé Y muốn được sống cùng mẹ sau khi ly hôn. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, HĐXX cần phải công nhận sự thỏa thuận của hai đương sự giao bé Y cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, giao bé C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi ly hôn, ông T và bà V được quyền thăm nom con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung: Ông T và bà V thừa nhận như sau:

- Một phòng ngủ và khu vệ sinh tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lót gạch diện tích xây dựng 21,6m^2 trị giá: 50.490.000đ (xây dựng trên đất diện tích 21,6m^2 tại thửa đất số B1 lô 22, tờ bản đồ số 00 của ông Nguyễn P).

- Số tiền 30.780.000đ tại Hợp đồng bảo hiểm số 2850702117 ngày 23/6/2016 Bn mua bảo hiểm: Nguyễn Thị Huyền V của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MANULIFE (Việt Nam).

- Nợ vay Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền gốc 50.000.000đ +lãi vay.

Tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng, công sức đóng góp của ông T và bà V ngang nhau và hai đương sự đồng ý chia đôi theo pháp luât. Đối với phần tài sản được xây dựng trên diện tích đất 21,6m^2 tại thửa đất số B1 lô 22 của ông P gồm: Một phòng ngủ và khu vệ sinh, bà V không tranh chấp diện tích đất nên không xem xét, khi vợ chồng ông T xây dựng phòng ngủ và khu vệ sinh được vợ chồng ông P đồng ý và hiện nay tài sản này nằm trong khối tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để bảo lãnh số nợ vay của vợ chồng ông T, do đó HĐXX nghĩ nên chia phần tài sản xây dựng diện tích 21,6m^2 cho ông T sở hữu, ông T có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay số nợ vay gốc 50.000.000đ + lãi vay theo hợp đồng tín dụng chưa đến thời hạn thanh toán cuối cùng và Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án về việc yêu cầu trả nợ vay, do đó giao nghĩa vụ trả nợ cho ông T, nếu ông T không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng có quyền khởi kiện ông T vụ án dân sự riêng theo quy định của pháp luật.

Như vậy tài sản chung của vợ chồng bà V trị giá tổng cộng: 81.270.000đ được trừ số nợ chung là: 50.000.000đ, tài sản còn lại: 31.270.000đ được chia đôi mỗi người được nhận tài sản trị giá 15.635.000đ và các đương sự đã thỏa thuận chia như sau:

- Phần ông T được nhận và sở hữu: Một phòng ngủ và khu vệ sinh tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lót gạch diện tích xây dựng 21,6m^2 trị giá: 50.490.000đ (tài sản xây dựng trên phần đất diện tích 21,6m^2 tại thửa đất số B1 lô 22, tờ bản đồ số 00 của ông Nguyễn P).

Ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền gốc 50.000.000đ +lãi vay phát sinh kể từ ngày 18/7/2020.

- Phần bà V được nhận và sở hữu số tiền đã nộp 30.780.000đ tại Hợp đồng bảo hiểm số 2850702117 ngày 23/6/2016, bên mua bảo hiểm: Nguyễn Thị Huyền V của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MANULIFE (Việt Nam).

Bà V phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T giá trị chênh lệch tài sản chung là: 15.145.000đ.

[5] Về án phí và chi phí định giá: Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và khoản 4 Điều 147, Điều 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà V và ông T mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí DSST, số tiền 781.700đ án phí chia tài sản và 1.950.000đ chi phí định giá tài sản. Bà V đã nộp tạm ứng chi phí định giá 3.900.000đ nên ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà V số tiền 1.950.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 468 Bộ Luật Dân sự, Luật Phí và lệ phí, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền V đối với ông Nguyễn Viết T về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

1/Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Huyền V và ông Nguyễn Viết T.

2/Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau

+ Giao con Nguyễn Hoàng Y - Sinh ngày 27/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Huyền V trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con Nguyễn Bảo C - Sinh ngày 04/3/2016 cho ông Nguyễn Viết T trực tiếp nuôi dưỡng *(Nguyễn Hoàng Y và Nguyễn Bảo C hiện nay đang chung sống cùng bà Nguyễn Thị Huyền V).*

Bà Nguyễn Thị Huyền V, ông Nguyễn Viết T tự lực nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3/ Về tài sản chung: Thỏa thuận chia như sau:

+ Phần ông Nguyễn Viết T được nhận và sở hữu: Một phòng ngủ và khu vệ sinh tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lót gạch diện tích xây dựng 21,6m^2 trị giá: 50.490.000đ (tài sản xây dựng trên phần đất diện tích 21,6m^2 tại thửa đất số B1 lô 22, tờ bản đồ số 00 của ông Nguyễn P).

+ Phần bà Nguyễn Thị Huyền V được nhận và sở hữu: Số tiền đã nộp 30.780.000 đồng (ba mươi triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng) tại Hợp đồng bảo hiểm số 2850702117 ngày 23/6/2016, bên mua bảo hiểm: Nguyễn Thị Huyền V của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MANULIFE (Việt Nam).

Ông Nguyễn Viết T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam tại Hợp đồng tín dụng số 4218-LAV-201700705 ngày 04/8/2017 với số tiền còn lại gốc 50.000.000đ + lãi vay phát sinh kể từ ngày 18/7/2020.

Bà Nguyễn Thị Huyền V phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Viết T giá trị chênh lệch tài sản chung là: 15.145.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Huyền V phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 781.700 đồng (bảy trăm tám mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng) án phí chia tài sản. Tổng cộng: 931.700 đồng (chín trăm ba mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002203, ngày 29/11/2019 và số tiền 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002296 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà

Nguyễn Thị Huyền V còn phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là: 6.700 đồng (sáu nghìn, bảy trăm đồng).

Ông Nguyễn Viết T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 781.700 đồng (bảy trăm tám mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng) án phí chia tài sản. Tổng cộng: 931.700 đồng (chín trăm ba mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Huyền V phải chịu chi phí định giá tài sản là 1.950.000đ (đã nộp tạm ứng chi phí xong).

Ông Nguyễn Viết T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Huyền V số tiền chi phí định giá tài sản là: 1.950.000 đồng (một triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa gửi đến./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- UBND phường ĐN;
- THADS Điện Bàn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Nhung